

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về phù hiệu, cờ hiệu, trang phục; phương tiện, thiết bị kỹ thuật
của thanh tra ngành Giao thông vận tải***Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải;**Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;**Căn cứ Nghị định số 92/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;**Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;**Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải,**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về phù hiệu, cờ hiệu, trang phục; phương tiện, thiết bị kỹ thuật của thanh tra ngành Giao thông vận tải.***Chương I**
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về phù hiệu, cờ hiệu, trang phục; phương tiện, thiết bị kỹ thuật của thanh tra ngành Giao thông vận tải.

2. Thanh tra viên, công chức, viên chức, nhân viên thuộc Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra Sở Giao thông vận tải sử dụng trang phục theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-TTCT ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục của cán bộ, thanh tra viên, công chức, viên chức thuộc cơ quan thanh tra nhà nước khi thực hiện hoạt động thanh tra hành chính và sử dụng trang phục theo quy định tại Thông tư này khi thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thanh tra ngành Giao thông vận tải, bao gồm: Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ), Thanh tra Sở Giao thông vận tải (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở), Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra Cục Hàng không), Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra Cục Hàng hải); Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cảng vụ Hàng không, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Chi cục Đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Quản lý đường bộ thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU, TRANG PHỤC CỦA THANH TRA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

Điều 3. Phù hiệu

1. Phù hiệu là biểu tượng của thanh tra ngành Giao thông vận tải.
2. Phù hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải có biểu tượng hình tròn màu đỏ, ở giữa có ngôi sao 05 cánh màu vàng, phía dưới là bánh xe lịch sử màu vàng in dòng chữ “TTGT”, vành tròn ngoài là 02 cành lá ô liu màu vàng trên nền màu xanh. Mẫu phù hiệu của thanh tra ngành Giao thông vận tải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Phù hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải bao gồm:
 - a) Phù hiệu trên cờ hiệu quy định tại Điều 4 của Thông tư này;
 - b) Phù hiệu dập trên mặt thắt lưng quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này;
 - c) Phù hiệu gắn trên biển tên quy định tại khoản 5 Điều 8 của Thông tư này;
 - d) Phù hiệu dệt trên hình khiên quy định tại khoản 9 Điều 8 của Thông tư này;
 - đ) Phù hiệu gắn trên sao mũ kêpi quy định tại khoản 11 Điều 8 của Thông tư này.

Điều 4. Cờ hiệu

1. Cờ hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải được gắn trên các phương tiện và các vị trí trang trọng khác của Thanh tra Giao thông vận tải.
2. Cờ hiệu có hình tam giác cân, cạnh đáy bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao, vải nền màu xanh da trời sẫm, chất liệu nhẹ, bền chắc, có phù hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải, cụ thể:

a) Cờ treo trên phương tiện là tàu biển, phương tiện thủy nội địa có cạnh đáy 600 mm và chiều cao 900 mm. Trên cờ có phù hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải đường kính 170 mm;

b) Cờ treo trên các phương tiện là ca nô, xe ô tô, xe mô tô và các loại phương tiện kiểm tra khác có cạnh đáy 300 mm và chiều cao là 450 mm. Trên cờ có phù hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải đường kính 110 mm.

3. Mẫu cờ hiệu thanh tra ngành Giao thông vận tải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Trang phục thanh tra ngành Giao thông vận tải

1. Trang phục của thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành, công chức, viên chức, nhân viên được giao nhiệm vụ thanh tra thuộc Thanh tra Bộ, Thanh tra Sở, Thanh tra Cục Hàng hải, Thanh tra Cục Hàng không và các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải bao gồm: áo, quần (xuân - hè, thu - đông), mũ kêpi, cà vạt (cravat), thắt lưng, giày da, bít tất, dép quai hậu, ủng cao su, mũ bảo hiểm, sao mũ, cảnh tùng, cúc cấp hiệu, cầu vai, cấp hàm, biển tên, quần áo đi mưa, cặp tài liệu.

Mẫu trang phục thanh tra ngành Giao thông vận tải quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tùy từng điều kiện và đặc thù công tác, thanh tra ngành Giao thông vận tải được trang bị bảo hộ lao động theo quy định của pháp luật.

3. Quy cách, màu sắc, chất lượng trang phục thanh tra ngành Giao thông vận tải thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 8 Thông tư này.

4. Thanh tra viên, công chức thuộc Thanh tra Hàng hải, Thanh tra Hàng không và công chức thanh tra chuyên ngành, viên chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Hàng không được sử dụng áo sơ mi màu trắng, có hình khiên gắn trên tay áo bên trái và mũ kêpi có màu trắng.

Điều 6. Quy cách, màu sắc trang phục nam

1. Áo măng tô

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1; kiểu dẹt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360 s/10cm², ngang 270 s/10cm²; trọng lượng 245 g/m²;

b) Màu sắc: xanh tím than;

c) Kiểu dáng: kiểu veston, cổ hình chữ B, thắt đai lưng, khóa bằng đồng; ngực may đê cúp, có một hàng cúc 4 chiếc mạ màu trắng bóng; may bật vai đeo cấp hiệu, có ken vai bằng bông ép; phía trong trên ngực mỗi bên bỏ một túi viền; thân trước phía dưới may 2 túi cơi chéo; thân sau cầu vai rời, may chắp sống lưng, có xẻ sống; tay kiểu 2 mang may cá tay, đính cúc; toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex; chiều dài áo ngang đùi.

2. Áo veston

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360 s/10cm², ngang 270 s/10cm²; trọng lượng 245 g/m²;

b) Màu sắc: xanh tím than;

c) Kiểu dáng: áo khoác, cổ hình chữ B; ngực một hàng cúc 4 chiếc mạ màu trắng bóng; thân trước có 4 túi bỏ (2 túi ngực, 2 túi dưới), túi có nắp; may bật vai đeo cấp hiệu, lấp ken vai; thân sau may chắp sống lưng, có xẻ sống; tay kiểu 2 mang, bác tay may lật ra ngoài. Toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex.

3. Áo sơ mi dài tay thu đông, xuân hè

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ 65/35; mật độ dọc 320 s/10cm², ngang 286 s/10cm²; trọng lượng 145 g/m²;

b) Màu sắc: xanh da trời;

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng; thân trước may 2 túi ngực ốp ngoài, giữa bị túi dán đồ, góc đáy túi tròn; ngực một hàng cúc 6 chiếc, cúc thứ 2 từ trên xuống và 2 cúc túi ngực thành một đường thẳng nằm ngang; may bật vai đeo cấp hiệu; thân sau cầu vai chắp, mỗi bên xếp 1 ly; tay dài có măng séc, thép tay bơi chèo.

4. Áo sơ mi xuân hè ngắn tay

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ 65/35; mật độ dọc 320 s/10cm², ngang 286 s/10cm²; trọng lượng 145 g/m²;

b) Màu sắc: xanh da trời;

c) Kiểu dáng: áo sơ mi cổ đứng; thân trước may 2 túi ngực ốp ngoài, giữa bị túi dán đồ, góc đáy túi tròn; ngực một hàng cúc 6 chiếc bằng đồng, cúc thứ 2 từ trên xuống và 2 cúc túi ngực thành một đường thẳng nằm ngang; may bật vai đeo cấp hiệu; thân sau cầu vai chắp, mỗi bên xếp 1 ly; tay ngắn, cửa tay gấp vào trong may 2 đường song song.

5. Quần thu đông, xuân hè

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360 s/10cm², ngang 270 s/10cm²; trọng lượng 245 g/m²;

b) Màu sắc: xanh tím than;

c) Kiểu dáng: quần âu, kiểu cạp rời, 2 túi sườn chéo; thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; cửa quần may khóa kéo bằng nhựa; đầu cạp có một móc và một cúc nhựa nằm trong; thân sau mỗi bên may một chiết, có hai túi hậu cài khuy nhựa; cạp quần may 6 đĩa; gấu quần hót lên phía trước.

6. Giày da

a) Chất liệu: đế PU; da nappa màu đen; độ dày 1,4 mm - 1,6 mm; độ bền kéo đứt (Mpa) ≥ 16 , (N/cm²) ≥ 1100 ; độ cứng shore A 60 ± 5 ;

b) Kiểu dáng: kiểu oxford, mũi giày trơn; nẹp có 4 cặp lỗ để buộc dây trang trí, phần thân giày đệm mút xốp tạo độ êm, mang trong và mang ngoài có gắn chun co giãn; mũi giày làm bằng da nappa, mềm dẻo, bóng mờ, vân da mịn màng, lót giày, lót đế trong mặt giày bằng da bò màu kem; đế được sản xuất bằng chất liệu PU gót cao 4 cm đúc định hình; mặt đế có hoa văn chống trơn trượt.

7. Dép quai hậu

a) Chất liệu: da nappa màu đen; độ dày 1,2 mm - 1,4 mm; độ bền kéo đứt (Mpa) ≥ 18 , (N/cm²) ≥ 3 ;

b) Kiểu dáng: quai ngang; đế cao 3 cm, có chốt cài.

Điều 7. Quy cách, màu sắc trang phục nữ

1. Áo măng tô

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360 s/10cm², ngang 270 s/10cm²; trọng lượng 245 g/m²;

b) Màu sắc: xanh tím than;

c) Kiểu dáng: kiểu veston, cổ hình chữ B; ngực có một hàng cúc 4 chiếc màu trắng bóng; may bật vai đeo cấp hiệu, có ken vai bằng bông ép; thân trước được thiết kế bỏ mảnh từ trên vai xuống, phía dưới may 2 túi cơi chéo; thân sau may chắp sống lưng, có xẻ sống; tay kiểu 2 mang may cá tay, đính cúc; toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex.

2. Áo veston

a) Chất liệu: vải tuytsi pha len ký hiệu TW8058-1; kiểu dệt chéo 3/1; tỷ lệ PW45/55; mật độ dọc 360 s/10cm², ngang 270 s/10cm²; trọng lượng 245 g/m²;

b) Màu sắc: xanh tím than;

c) Kiểu dáng: áo khoác, cổ hình chữ B; ngực một hàng cúc 4 chiếc màu trắng bóng; thân trước có bỏ 2 túi dưới, có nắp; may bật vai đeo cấp hiệu, lắp ken vai; thân sau may chắp sống lưng, có xẻ sống; tay kiểu 2 mang, bác tay may lật ra ngoài; toàn bộ cổ áo, nẹp áo, nắp túi, thân áo được dựng bằng mex.

3. Áo sơ mi dài tay thu đông, xuân hè

a) Chất liệu: vải pôpolin 8151 PE/VIS; tỷ lệ 65/35; mật độ dọc 320 s/10cm², ngang 286 s/10cm²; trọng lượng 145 g/m²;

b) Màu sắc: xanh da trời;

c) Kiểu dáng: áo sơ mi dài tay cổ đứng; thân trước may 2 túi ngực ốp ngoài, giữa bị túi dán đố, góc đáy túi tròn; có măng séc, thép tay bơi chèo; có bật vai đeo cấp hiệu; gấu áo vạt bầu.